

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 162/2020/DS-PT

Ngày 03-6-2020

V/v Tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Tuấn Khải

Bà Lê Thị Kim Nga

- Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 184/2019/TLPT-DS ngày 08 tháng 7 năm 2019 về “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 của Tòa án nhân dân thị xã KT có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 213/2019/QĐ-PT ngày 08 tháng 8 năm 2019, giữa:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH Thực phẩm SL;

Địa chỉ: Số 540/29 đường CM, Phường X, Quận Y, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật của Công ty: Ông Thái M.

Người đại diện theo ủy quyền của Công ty: Bà Lê Thị Bích T. sinh năm 1980; Địa chỉ: Số 71/1/51 đường NVT, Phường 25, quận BT, thành phố Hồ Chí Minh. (Theo văn bản ủy quyền ngày 12 tháng 01 năm 2017).

2. Bị đơn: Ông Võ Văn D, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Số 280, ấp BC 2, xã TT, thị xã KT, tỉnh Long An.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Vĩnh N, sinh năm 1977; Nơi đăng ký HKTT: Số 164, Thôn TN, xã TT, huyện ĐT, tỉnh Lâm Đồng.

4. Người làm chứng:

4.1. Ông Võ Văn U, sinh năm 1954;

Địa chỉ: Số 85, ấp BT, xã TT, thị xã KT, tỉnh Long An.

4.2. Ông Võ Văn Đ1, sinh năm 1947;

4.3. Bà Võ Thị Đ2, sinh năm 1948;

Cùng địa chỉ: ấp BC 2, xã TT, thị xã KT, tỉnh Long An.

4.4. Ông Lâm Văn H1

4.5. Bà Trần Thị Ngọc H2;

Cùng địa chỉ: ấp BC 2, xã TT, thị xã KT, tỉnh Long An.

5. Người kháng cáo: Nguyên đơn Công ty TNHH thực phẩm SL

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 5 năm 2017 của Công ty TNHH Thực phẩm SL cùng lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền trong quá trình tố tụng như sau:

Công ty TNHH Thực phẩm SL (gọi tắt là Công ty) là nhà phân phối sản phẩm của Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Yến Sào Khánh Hòa. Công ty có ký hợp đồng số 1323/CNHCM ngày 16 tháng 12 năm 2015 về việc thuê ông Võ Văn D làm việc thời hạn 36 tháng với nhiệm vụ là bán hàng. Theo quy chế hoạt động của Công ty thì nhân viên tiếp thị bán hàng có quyền thu tiền trong trường hợp khách hàng thanh toán bằng tiền mặt, sau đó nộp lại trong ngày cho bộ phận kế toán của Công ty. Theo quy chế này, trong suốt quá trình làm việc tại Công ty, ông D đã nhiều lần thu tiền mặt và nộp lại cho kế toán theo đúng quy định. Tuy nhiên, đến ngày 03 tháng 11 năm 2016, ông D thông báo với Công ty là có khách hàng mua lô hàng yến sào có trị giá 172.881.500 đồng và đề nghị Công ty giao lô hàng trên cho ông D để giao cho khách hàng. Khi giao hàng cho ông D, Công ty có xuất hóa đơn, phiếu giao hàng, phiếu nhận hàng nhưng đến ngày 04 tháng 11 năm 2016, không thấy ông D nộp tiền. Nhân viên kế toán đã gọi điện cho ông D thì ông D nói đã thu tiền khách hàng và đã sử dụng số tiền đó vào việc cá nhân. Sau đó, ông D đã về quê và từ đó Công ty không liên lạc được với ông D.

Đến ngày 15 tháng 11 năm 2016, bà T là người quản lý và điều hành của Công ty cử ông Tuấn (là nhân viên giám sát bán hàng cho Công ty) cùng ông Hoàng Vĩnh N xuống nhà gặp ông D để biết khi nào ông D trả tiền. Ông N báo lại 45 ngày sau ông D sẽ trả tiền cho Công ty, hai bên có viết cam kết trả nợ cho bà T. Đến ngày 05 tháng 01 năm 2017, bà T đến nhà của ông D để yêu cầu trả tiền thì ông D trả lời đã đưa số tiền trên cho ông N và cho xem giấy nhận tiền giữa ông D với ông N. Sau đó, bà T không liên lạc được với ông N. Vì vậy, nay Công ty khởi kiện yêu cầu ông D trả cho Công ty số tiền 193.627.280 đồng

(trong đó nợ tiền gốc là 172.881.500 đồng, tiền lãi tính trong 12 tháng x 1% /tháng = 20.745.780 đồng), Công ty không yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi.

Tại phiên tòa, bà T vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu tiếp tục tính tiền lãi.

Bị đơn ông Võ Văn D trình bày trong quá trình tranh tụng như sau:

Ông là nhân viên phân phối sản phẩm yến sào cho Công ty TNHH Thực phẩm SL, làm việc theo hợp đồng với Công ty từ năm 2015. Bà T là người trực tiếp điều hành mọi hoạt động của Công ty. Ngày 03 tháng 11 năm 2016, ông trực tiếp nhận 01 lô yến sào trị giá trên 90.000.000 đồng và 01 lô hàng do người khác nhận chuyển cho ông, tổng trị giá 02 lô hàng là 172.881.200 đồng, ông đã giao 02 lô hàng trên cho khách hàng. Khi nhận hàng có nói chuyển tiền cho Công ty vào ngày hôm sau nhưng chưa chuyển và đã dùng số tiền trên để trang trải cho cá nhân. Ngày 19 tháng 11 năm 2016, bà T có cử ông Tuấn (là người giám sát bán hàng) và ông Hoàng Vĩnh N xuống nhà gặp ông để yêu cầu trả số tiền và hai bên viết giấy xác nhận có mượn bà T số tiền 170.000.000 đồng, hạn thời gian trả là 45 ngày sau. Khi đó bà T là người cung cấp số chứng minh nhân dân và địa chỉ để ông viết giấy mượn tiền. Đến ngày 08 tháng 12 năm 2016, thì ông N đến nhà ông nhận đủ số tiền 170.000.000 đồng, ông N có ký tên xác nhận đã nhận đủ tiền, có người làm chứng. Nguồn gốc số tiền trên là do cha mẹ ông là ông Võ Văn Đ1, bà Võ Thị Đ2 bán đất được 220.000.000 đồng (đất đã để con đứng tên) và đưa cho ông số tiền 170.000.000 đồng để giao cho ông N. Lý do ông đưa tiền cho ông N vì bà T là người cử ông N đi cùng ông Tuấn xuống gặp ông để đòi tiền vào ngày 19 tháng 11 năm 2016. Còn việc, ông N sau khi nhận được tiền không giao lại cho bà T là trách nhiệm giữa ông N và bà T. Việc viết giấy nhận nợ và ông N nhận tiền, bà T có biết việc này nhưng khi ông N không giao tiền lại cho bà T thì bà T không thừa nhận. Việc ông đưa tiền cho ông N có ông U, bà Đ2 và ông Đ1 làm chứng. Vì vậy, ông chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền còn thiếu là 2.881.500 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Vĩnh N vắng mặt, không có lời trình bày.

Những người làm chứng ông Võ Văn Đ1 (đã mất), bà Võ Thị Đ2 có lời trình bày tại hồ sơ như sau:

Ông bà là cha mẹ ruột của ông D, có biết việc ông D nợ tiền của Công ty. Ngày 19/11/2016, có hai người của Công ty đến nhà để đòi tiền, có lớn tiếng với nhau và hai bên ghi giấy thỏa thuận cam kết trả nợ, ông bà có chứng kiến và ký tên. Ông bà có bán 05 công đất ruộng cho ông Lâm Văn H1 với số tiền 220.000.000 đồng để lấy tiền đưa cho ông D trả nợ cho Công ty. Đến ngày 08/12/2016, ông N xuống nhà gặp ông D nhận số tiền 170.000.000đ. Việc ông D

đưa tiền cho ông N có ông bà và ông U trực tiếp chứng kiến. Nay ông bà không yêu cầu ông D trả lại số tiền 170.000.000 đồng.

Người làm chứng ông Võ Văn U trình bày như sau: Ông N là Bí thư của xã TT nay là Chủ tịch hội người cao tuổi của xã TT, thị xã KT, tỉnh Long An. Ông có biết việc ông D nợ tiền của Công ty. Công ty cử người đến đòi nợ ông D, hai bên có lớn tiếng qua lại và có ký cam kết trả nợ. Sau đó, ông cùng gia đình ông D bàn bạc bán 05 công đất ruộng cho ông Lâm Văn H1 được 220.000.000 đồng để lấy tiền đưa cho ông D trả nợ. Đến ngày 08/12/2016, ông có chứng kiến ông D trực tiếp đưa cho ông N số tiền 170.000.000 đồng. Ông cam đoan lời khai trên là đúng sự thật.

Ngày 29/5/2017, Công ty TNHH thực phẩm SL khởi kiện.

Ngày 03/01/2018, Tòa án nhân dân thị xã KT thụ lý vụ án.

Tòa án tiến hành hòa giải nhưng các bên không thỏa thuận được.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 02/2019/DS-ST ngày 10/4/2019 Tòa án nhân dân thị xã KT đã căn cứ các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 2 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 157, 158, 165, 166, 184, 271, 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTNQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thực phẩm SL đối với yêu cầu buộc ông Võ Văn D trả số tiền 190.745.780 đồng (Một trăm chín mươi triệu, bảy trăm bốn mươi lăm nghìn, bảy trăm tám mươi đồng).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thực phẩm SL.

Buộc ông Võ Văn D phải trả cho Công ty TNHH thực phẩm SL số tiền 2.881.500 đồng (Hai triệu tám trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng)

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc Công ty TNHH thực phẩm SL phải chịu 9.537.000 đồng (chín triệu năm trăm ba mươi bảy nghìn đồng) nhưng được khấu trừ 4.841.000 đồng (bốn triệu tám trăm bốn mươi một nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006645 ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã KT, tỉnh Long An. Công ty TNHH Thực phẩm SL còn phải nộp tiếp số tiền 4.696.000 đồng (bốn triệu sáu trăm chín mươi sáu nghìn đồng).

Buộc ông Võ Văn D phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 19/4/2019, Công ty TNHH thực phẩm SL kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc ông D trả cho Công ty SL số tiền

còn nợ 172.881.500đ và tiền lãi theo lãi suất ngân hàng từ ngày 03/11/2016 đến ngày nhận được tiền.

Tại Toà phúc thẩm.

Nguyên đơn do bà Lê Thị Bích T đại diện không rút đơn kiện và giữ nguyên kháng cáo.

Bà Lê Thị Bích T giữ nguyên trình bày trước đây: Tòa án cấp sơ thẩm đã không vô tư, khách quan khi xem xét biên nhận tiền giữa N và D. Bà có lỗi khi cử ông N xuống đòi tiền ông D khi ông N không phải là người của công ty lại đi với ông T là nhân viên của công ty nhưng bà không ủy quyền cho ông N nhận tiền. Giấy nhận tiền do ông D xuất trình bà không biết có phải là của ông N không nhưng do bà không biết chữ viết chữ ký của ông N nên không yêu cầu giám định được. Bà không chấp nhận việc ông D trả tiền cho ông N mà không chuyển vào tài khoản công ty trong khi ông D biết rất rõ số tài khoản của công ty. Yêu cầu trả số tiền 190.745.780đ và tiền lãi chậm trả theo quy định.

Bị đơn ông Võ Văn D không đồng ý lời trình bày của bà T vì ông N là người bà T cử xuống đi với ông Tuấn là nhân viên của công ty nên ông mới đồng ý nhận nợ. Khi đó, ông N gọi cho bà T hỏi số chứng minh nhân dân và địa chỉ, ông cũng có nghe nên mới tin. Sau khi ghi giấy nợ, ông N giữ giấy đem về. Khi ông N xuống nhận tiền mới ghi vào giấy và đưa lại cho ông. Khi bà T đòi nợ, ông có gọi cho ông N, ông N nói do bà T nợ tiền ông nên ông không đưa tiền này cho bà T. Ông yêu cầu ông N đến tòa nhưng ông N không đến. Việc đưa tiền cho ông N có người làm chứng. Tiền trả nợ là cha mẹ ông chuyển nhượng đất cho ông H1 mà có. Ông chỉ đồng ý trả số còn thiếu như bản án dân sự sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu: Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đảm bảo thực hiện theo tố tụng. Các bên đương sự thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Ông N được triệu tập hợp lệ và niêm yết nhưng không hợp tác.

Về nội dung: ông D có nhận lô hàng yến sào của Công ty SL trị giá 172.881.500đ. Do phía ông D không thanh toán tiền bán hàng nên phía Công ty đã cử người xuống đòi nợ. Theo giấy mượn tiền ngày 19/11/2016, ông D thừa nhận nợ và đồng ý trả sau 45 ngày. Đến ngày 08/12/2016, ông D đã trả 170.000.000đ cho ông N. Như vậy, có căn cứ ông D có trả tiền cho Công ty xong. Bà T không thừa nhận có ủy quyền cho ông N nhận tiền từ ông D nhưng bà có biết việc ông N đến gặp ông D và chốt nợ, hẹn ngày trả. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền từ ông D, ông N không giao lại cho bà T. Như vậy, bà T có quyền đòi ông N nhưng lại kiện ông D. Án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi

kiện của Công ty do bà T đại diện là có căn cứ. Công ty kháng cáo không cung cấp được chứng cứ gì khác nên đề nghị giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng:

[1.1] Nguyên đơn Công ty TNHH thực phẩm SL do bà Lê Thị Bích T đại diện kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Vĩnh N đã được tổng đạt hợp lệ từ cấp sơ thẩm nhưng không hợp tác. Sau khi xét xử, Tòa án đã niêm yết bản án cho ông N hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Ông N là người không kháng cáo căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt ông N.

[1.3] Sau khi thụ lý phúc thẩm Tòa án đã có công văn yêu cầu cơ quan điều tra xem xét có dấu hiệu tội phạm hình sự hay không nhưng đến nay đã hết thời hạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm mà vẫn chưa có kết quả.

Xét việc giải quyết vụ án dân sự không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự nên Tòa án vẫn xét xử. Trường hợp có căn cứ mới, đương sự có quyền yêu cầu xem xét lại theo thủ tục Tái thẩm hoặc Giám đốc thẩm

[1.4] Bà T kháng cáo yêu cầu chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 về phạm vi xét xử phúc thẩm, Tòa án xét xử nội dung có kháng cáo.

[1.5] Những tình tiết nguyên đơn và bị đơn thống nhất đã được nhận định trong bản án dân sự sơ thẩm đương sự không kháng cáo, Tòa án không xem xét lại.

[1.6] Tranh chấp đòi tài sản là tranh chấp dân sự quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân thị xã KT thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Tuy nhiên, án sơ thẩm lại áp dụng một số điều luật không liên quan là nhầm lẫn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Bà T yêu cầu phía ông D thanh toán số tiền 172.881.500đ tiền bán sản phẩm yến sào của Công ty SL và lãi suất. Ông D thừa nhận còn nợ số tiền này nhưng cho rằng sau đó thanh toán cho người do Công ty do bà T cử xuống là ông N. Chứng cứ đưa ra là biên nhận ông N ghi lấy đủ số tiền 170.000.000đ vào ngày 08/12/2016 theo giấy mượn tiền ngày 19/11/2016. Ông D chỉ đồng ý trả tiếp 2.881.500đ.

[2.2] Bà T thừa nhận bà là người quản lý điều hành công ty. Sau sự việc ông D nợ tiền không thanh toán nên bà có “nhờ” ông N đi cùng ông Tuấn xuống gặp ông D để làm rõ và giải quyết số nợ 172.881.500đ của Công ty.

Dù bà T không thừa nhận ông N là người đòi nợ thuê nhưng bà T là người biết rõ ông N là ai và làm gì nên đã nhờ ông N đi với ông Tuấn. Ông Tuấn lại là người của Công ty nên ông D tin tưởng và lập lập “Giấy mượn tiền” ngày 19/11/2016 có nợ bà T 172.881.500đ theo yêu cầu của ông N. Bà T thừa nhận có đọc số chứng minh nhân dân của bà cho ông N và cả địa chỉ cư trú nhưng bà có nói với ông N là viết vấn đề gì thì phải đem giấy đó về cho bà, bà ký tên xác nhận. Do sau đó bà không có ký tên xác nhận vấn đề gì trong giấy cả nên bà không biết nội dung. Tuy nhiên, theo bà T, việc này chỉ nói qua điện thoại và bà không lưu lại cuộc nói chuyện. Về chứng cứ này, bà T đưa ra thì có nghĩa vụ chứng minh Tòa án không chứng minh thay cho đương sự trong khi bà T thừa nhận có liên lạc được với ông N nghe ông N nói nhận 100.000.000đ, số còn lại khó khăn nên ông N cho ông D. (BL112). Ngoài ra, tại bút ký phiên tòa ngày 10/4/2019 bà T cũng thừa nhận ông N có báo với bà ông D hứa sẽ trả nợ cho thời hạn 45 ngày (BL 115). Như vậy, có cơ sở bà T nhờ ông N đi đòi nợ thay số tiền của Công ty và biết việc ông N nhận tiền của ông D.

[2.3] Tuy chứng cứ thể hiện ý chí của bà T đồng ý cho ông N nhận tiền không thể hiện bằng văn bản nhưng gián tiếp có cơ sở xác định. Việc ông N nhận tiền trên cơ sở giấy nợ lỗi thuộc về bà T vì ông D không biết ông N, ông N là người của bà T cử đến. Việc bà T giao ông N xác nhận nợ, ông N phải báo cho bà T biết. Nay ông N nhận tiền và không giao số tiền trên cho bà T, bà T lại kiện ông D nên án sơ thẩm bác yêu cầu của bà T là có cơ sở. Đối với số tiền dù trình bày không thống nhất giữa ông N và bà T nhưng trong giấy nợ ông N ghi nhận 170.000.000đ nên Tòa án chấp nhận số tiền này.

[3]. Bà T kháng cáo đưa ra lời nói cho là của ông N trong các đoạn ghi âm nhưng sự việc này diễn ra sau khi đã có tranh chấp, chứng cứ này chưa được xem xét. Mặt khác, hiện nay ông N đã bỏ trốn khỏi nơi cư trú không thể đối chất nhưng chứng cứ “nghe” không thay thế được chứng cứ “đọc”. Ông N là người do bà T cử đi đòi nợ lại không hợp tác nên bà T phải gánh lấy hậu quả của việc chứng minh. Do đó bác kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm như phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm.

Án sơ thẩm tuyên buộc Công ty SL phải chịu án phí trên toàn bộ số tiền bị bác 190.745.780đ là không đúng mà chỉ buộc chịu án phí đối với số tiền bị bác là $190.745.780đ - 2.881.500đ = 187.864.280đ$. Án phí sơ thẩm là $187.864.280đ \times 5\% = 9.393.214đ$. Ngoài ra, án sơ thẩm không tuyên buộc phía ông D phải chịu lãi suất chậm thi hành án là thiếu sót, cần sửa một phần án dân sự sơ thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm, bà T kháng cáo được chấp nhận, không phải chịu theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm, không có kháng cáo giữ nguyên có hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 2 Điều 308, Điều 309, Điều 293 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Công ty TNHH Thực phẩm SL.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 166 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTNQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thực phẩm SL đối với yêu cầu buộc ông Võ Văn D về việc “đòi tài sản”

1.1. Buộc ông Võ Văn D trả cho Công ty TNHH Thực phẩm SL số tiền 2.881.500 đồng (Hai triệu tám trăm tám mươi một nghìn năm trăm đồng).

1.2. Bác yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH thực phẩm SL buộc ông Võ Văn D trả 187.864.280 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất do ngân hàng nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc Công ty TNHH thực phẩm SL phải chịu 9.393.214 đồng nhưng được khấu trừ 4.841.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006645 ngày 28/12/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã KT. Công ty TNHH Thực phẩm SL còn phải nộp tiếp số tiền 4.552.214 đồng.

Công ty TNHH thực phẩm SL không phải tiền án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp theo biên lai thu số 0007146 ngày 06/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã KT.

4. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Kim Nga - Huỳnh Tuấn Khải

Trần Văn Quán

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND TX KT;
- Chi cục THADS TX KT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quán

